

Cần có chính sách hiệu quả bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở nước ta trong tiến trình hội nhập quốc tế

TS. HỒ NGỌC MINH

Nghị quyết Trung ương 2 khoá 8 đã xác định “Hoàn thiện hệ thống luật pháp về bảo hộ sở hữu trí tuệ và khuyến khích chuyển giao công nghệ...Phát động phong trào quần chúng tiến quân vào khoa học, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, sáng chế, phát minh, áp dụng khoa học và công nghệ vào mọi mặt của sản xuất và đời sống... Có biện pháp phát hiện kịp thời, ngăn chặn và đình chỉ sản xuất, lưu thông hàng giả”.

“Việt Nam đang làm thủ tục gia nhập WTO phải xây dựng chương trình cải cách và hoàn thiện hệ thống bảo hộ sở hữu trí tuệ theo các tiêu chuẩn của WTO (Hiệp định TRIPS).

Như trên đã nói, thiết lập và củng cố một hệ thống sở hữu trí tuệ đầy đủ và có hiệu quả là một đòi hỏi của quá trình hội nhập và công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Xu thế chuyển dịch sang nền kinh tế tri thức càng đòi hỏi phải nhanh chóng thực hiện các mục tiêu liên quan đến sở hữu trí tuệ. Để đạt được mục tiêu đó, để đảm bảo sở hữu trí tuệ, chúng tôi đưa ra một số kiến nghị sau đây:

Thứ nhất, để tìm kiếm các nguồn lực cho phát triển, Chính phủ cần có các biện pháp hữu hiệu trong việc chống sản xuất kinh doanh hàng giả, tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ của mọi chủ thể, nghiêm cấm và nghiêm khắc xử lý các hành vi giả mạo, đánh cắp, chiếm đoạt kết quả đầu tư sáng tạo.

Thực tiễn thế giới trong những thập kỷ gần đây đã ghi nhận những nền kinh tế được xây dựng và phát triển dựa vào nền công nghiệp hàng chất lượng thấp. Xét về một khía cạnh nào đó, chiến lược như vậy cũng đã tạo ra một số lợi ích nhất định (chẳng hạn: giải quyết được khó khăn về vốn đầu tư mà vẫn có thể tạo ra được một nền sản xuất có sản phẩm tương tự hoặc ít thua kém so với việc đầu tư để xây dựng nền công nghiệp hàng thật, từ đó làm lung lay vị thế của đối thủ cạnh tranh bằng hàng thật...v.v...).

Tuy nhiên, xét về lâu dài và về mọi khía cạnh chủ yếu, nền sản xuất hàng nhái hàng giả chứa đựng nhiều nguy cơ và hậu quả xấu (trước hết là tạo ra và làm trầm trọng thêm căn bệnh đối trá, cướp giật, lừa đảo trong kinh doanh; tiếp theo là bóp nghẹt các nỗ lực sáng tạo ở trong nước và làm nản chí các nhà đầu tư nước ngoài; từ đó gây phương hại toàn diện đến lợi ích vật chất, tinh thần của người tiêu dùng và xã hội, kể cả của chính những người tham gia nền công nghiệp hàng giả...). Mặt khác, điều kiện quốc tế mới với khuynh hướng toàn cầu hoá ngày càng sâu rộng các hoạt động kinh tế, thương mại, cũng như khuynh hướng ngày càng chú trọng hơn đến vấn đề bảo hộ sở hữu trí tuệ, không cho phép một nền kinh tế có thể dễ dàng chọn lựa cách xuất phát bằng công nghiệp hàng giả. Vì thế, Nhà nước ta chủ trương ngăn chặn việc sản xuất và lưu thông hàng

“giả” và coi đó là một tệ nạn có tác động phá hoại các nỗ lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Nền công nghiệp hàng nhái hàng giả gắn bó mật thiết với kỹ nghệ đánh cắp tài sản trí tuệ. Vì vậy, việc chống hàng giả nhất thiết phải được sự hỗ trợ của việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, trong đó phải bảo đảm xử lý thích đáng các hành vi giả mạo, sao chép, sử dụng bất hợp pháp các đối tượng sở hữu công nghiệp.

Thứ hai, cần đưa ra các chính sách khuyến khích đầu tư cho sáng tạo công nghệ và sáng tạo trong kinh doanh không chỉ chú trọng về phương diện tinh thần mà cần phải bảo đảm các điều kiện cần thiết về pháp lý thông qua hệ thống các quy phạm pháp luật để người đã đầu tư có khả năng khai thác các thành quả.

Đây là vấn đề có tính chất nguyên tắc có ý nghĩa quan trọng đối với việc phát triển hệ thống bảo hộ sở hữu công nghiệp. Trong khoảng hơn hai thập kỷ sau khi miền Bắc hoàn toàn giải phóng, mặc dầu Đảng và Nhà nước luôn coi trọng và luôn tìm cách để phát triển hoạt động sáng tạo, luôn đặt hoạt động khoa học kỹ thuật vào vị trí then chốt trong các chương trình kinh tế - xã hội nhưng các chính sách khuyến khích sáng tạo kỹ thuật chủ yếu được đặt trên nền lợi ích về tinh thần. Từ ngày bắt đầu công cuộc đổi mới, Đảng và Nhà nước đã nhanh chóng nhận ra sự cần thiết và ý nghĩa của một cơ chế mới, trong đó trước hết sử dụng các lợi ích kinh tế do việc ứng dụng các thành quả làm nền tảng và động cơ thúc đẩy hoạt động sáng tạo. Cơ chế này không coi lợi ích tinh thần là yếu tố quyết định sự phát triển của hoạt động sáng tạo, thậm chí coi rằng nếu chỉ có thể đạt được các lợi ích về tinh thần thì hoạt động sáng tạo trước sau đều sẽ bị suy giảm, thậm chí bị thủ tiêu. Nguyên tắc vận hành của cơ chế mới là dùng lợi ích kinh tế khi khai thác thành quả sáng tạo để bù đắp các chi phí cho việc sáng tạo ra thành quả đó và tiếp tục đầu tư để sáng tạo thành quả mới.

Thứ ba, trong khi chú trọng bảo đảm lợi ích cho người có công sáng tạo, cần phải đồng thời chú trọng bảo

đảm lợi ích của xã hội, nói cách khác phải tạo ra một trạng thái cân bằng tương đối giữa lợi ích của xã hội và lợi ích của người sở hữu các thành quả sáng tạo.

Nói chung, dù cơ chế nào cũng phải hướng vào mục đích phục vụ cho sự phát triển của xã hội, vì vậy luôn luôn phải tính đến lợi ích của xã hội. Việc bảo đảm các lợi ích của người sáng tạo nhiều khi hạn chế hoặc làm thiệt hại đến lợi ích của người khác, vì thế, trong khi thiết lập các quy phạm pháp luật để bảo đảm quyền về sở hữu công nghiệp, Nhà nước luôn coi trọng việc bảo đảm lợi ích của toàn xã hội. Để thực hiện được việc đó, dường như luôn luôn người được hưởng lợi ích phải bảo đảm các điều kiện nhất định nào đó - hay nói cách khác - phải đánh đổi với xã hội những lợi ích nhất định.

Thứ tư, song song với việc bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ, cần phải có các biện pháp phòng ngừa và ngăn chặn nguy cơ lạm dụng quyền sở hữu trí tuệ. Dường như lạm dụng chế độ bảo hộ sở hữu trí tuệ là căn bệnh phát sinh của mọi hệ thống sở hữu trí tuệ mà điển hình nhất là tình trạng sử dụng quyền sở hữu trí tuệ để khống chế sự phát triển sáng tạo của người khác, gây sức ép với các nước kém phát triển, cản trở việc thực hiện các mục tiêu dân sinh của họ. Những cuộc đe dọa sử dụng các biện pháp trừng phạt thương mại với lý do không bảo đảm các điều kiện bảo hộ thỏa đáng quyền sở hữu trí tuệ xảy ra trong thập kỷ vừa qua đã chứng tỏ rằng, bên cạnh vai trò tích cực như đã nhận thức được, cơ chế toàn cầu hoá về việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cũng chứa đựng những cạm bẫy cần phải tỉnh táo để phòng tránh và đối phó.

Thứ năm, việc phát triển sở hữu công nghiệp trước hết là phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước do đó phải phù hợp với điều kiện thực tiễn của đất nước đồng thời phải phù hợp với đòi hỏi của quá trình hội nhập. Rõ ràng, những năm gần đây vấn đề sở hữu trí tuệ nói chung và sở hữu công nghiệp nói riêng của thế giới đã phát triển mạnh mẽ cả về quy mô và chất lượng. Điều kiện của Việt

Nam chưa đòi hỏi và chưa cho phép ngay một lúc hệ thống sở hữu công nghiệp của mình có trình độ ngang hàng với trình độ chung của thế giới. Vì vậy, phát triển hoạt động này phải được coi là một quá trình gồm nhiều bước, trong đó mỗi bước được xác định bởi nhu cầu và khả năng của thực tiễn để tiến tới xây dựng một hệ thống sở hữu công nghiệp toàn diện, có trình độ tương xứng với khu vực và thế giới.

Thứ sáu, phải đổi mới cơ chế quản lý, phát huy mọi khả năng sáng tạo của người dân, tạo điều kiện cho mọi người dân, mọi thành phần kinh tế phát huy hết khả năng của mình đóng góp vào phát triển sản xuất.

Nhà nước quản lý bằng luật pháp, bằng cơ chế chính sách, tạo môi trường thuận lợi cho sự cạnh tranh lành mạnh; chăm lo phúc lợi xã hội, giáo dục, khoa học... mà không nên can thiệp vào sản xuất kinh doanh; để cho mỗi doanh nghiệp, mỗi người dân phát huy hết quyền chủ động sáng tạo của mình.

Vai trò của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế có ý nghĩa quyết định đối với phát triển khoa học và công nghệ, hướng tới nền kinh tế tri thức. Phải tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, chống độc quyền. Phát huy tối đa quyền chủ động sáng tạo của các doanh nghiệp. Hiện nay trong kinh tế nhà nước chế độ trách nhiệm không rõ, mất mát thua lỗ không ai chịu trách nhiệm. Nếu giao trách nhiệm cho một công ty tự bỏ vốn ra xây dựng rồi khai thác để thu hồi vốn thì tình hình sẽ khác hẳn, không hiệu quả thì họ không làm.

Phải thực sự giải phóng mọi lực lượng sản xuất, phát huy mọi thành phần kinh tế như các Nghị quyết của Đảng đã đề ra. Hiện nay còn nhiều vướng mắc lúng túng trong chính sách, mà chủ yếu là do nhận thức về mối quan hệ giữa cơ chế thị trường và sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa chưa được sáng tỏ. Nhiệm vụ trung tâm hiện nay là phát triển lực lượng sản xuất; phải xây dựng và phát triển quan hệ sản xuất sao cho thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất. Mọi người ai có khả

năng góp phần vào sự phát triển sản xuất thì phải được khuyến khích, phải thực sự khuyến khích mọi người làm giàu; Nhà nước có chính sách điều tiết thu nhập, chăm lo phúc lợi xã hội, tạo công bằng xã hội, bảo vệ quyền lợi những người yếu thế.

Thứ bảy, tăng cường năng lực khoa học và công nghệ quốc gia, thực hiện tốt các chính sách, chủ trương đã nêu trong Nghị quyết TU2 về khoa học, công nghệ như:

- Phát hiện, bồi dưỡng, trọng dụng nhân tài,

- Phát huy sức sáng tạo trong khoa học: các chính sách đãi ngộ, tạo điều kiện cho cán bộ nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, mở rộng dân chủ trong khoa học,

- Các chính sách khuyến khích và bắt buộc các doanh nghiệp phải ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ, cơ chế quản lý kinh tế buộc các doanh nghiệp phải cạnh tranh bình đẳng, phải lấy hiệu quả làm đầu, đồng thời có chính sách khuyến khích thích đáng các doanh nghiệp trong các ngành công nghệ cao,

- Tăng đầu tư cho khoa học và công nghệ (Nhà nước và doanh nghiệp) đạt 2% GDP, tăng đầu tư mạo hiểm,

- Phát triển nhanh các khu công nghệ, tổ chức lại chương trình kinh tế kỹ thuật, đặc biệt là cần có tổ chức có hiệu lực chỉ đạo phát triển công nghệ thông tin.

Thứ tám, cải cách hành chính và tạo lập một khuôn khổ pháp lý mới có khả năng thúc đẩy mọi khả năng sáng tạo, làm cho sản xuất "bung ra", đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh các doanh nghiệp mới, doanh nghiệp tri thức, phù hợp với xu thế toàn cầu hoá mà nước ta đang trong quá trình hội nhập. Điều này được thực hiện trên cơ sở xác định đúng đắn vai trò quản lý của nhà nước đối với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhà nước không trực tiếp làm kinh tế nhưng vai trò của Nhà nước trong việc định hướng, tạo môi trường, tạo điều kiện và thúc đẩy sự phát triển, thể hiện trong chính sách của Nhà nước, trong hệ thống luật pháp là yếu tố quyết định nhất đối với việc tiến nhanh vào kinh tế tri thức ■